

Bản án số: 17/2024/LĐ-ST  
Ngày: 16-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Minh Tường.
- Bà Nguyễn Thị Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Đỗ Hoàng P, sinh 17/9/2008; Cư trú tại: Tổ E, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của anh P: Bà Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1985. Cư trú tại: Tổ E, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: số H, đường số A, khu dân cư C, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhà máy S1: ấp H, xã

H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dương Quang M, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Hoàng P và Người đại diện theo pháp luật của anh P bà Trần Thị Ngọc K trình bày:*

Anh Đỗ Hoàng P làm việc cho Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) từ ngày 24/6/2023 đến ngày 05/12/2023 tại nhà máy sản xuất của Công ty S ngụ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh với mức lương theo thỏa thuận ban đầu là 4.200.000 đồng/tháng, hai bên không ký kết hợp đồng lao động. Công việc chính của anh làm ở tổ bảo. Quá trình làm việc, Công ty S còn nợ tiền lương của anh như sau: Tháng 10/2023 nợ 4.516.000 đồng, tháng 11/2023 nợ 4.958.000 đồng, từ ngày 01 đến ngày 04/12/2023 là 720.000 đồng, tổng cộng là 10.194.000 đồng. Tháng 10/2023 Công ty có cho anh tạm ứng tiền lương 1.000.000 đồng. Khấu trừ đi số tiền tạm ứng Công ty còn nợ anh 9.194.000 đồng (chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Tháng 12/2023, nhà máy sản xuất của Công ty S đóng cửa, ngưng hoạt động, phía công ty có hứa hẹn thanh toán tiền lương cho công nhân nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu Công ty S trả tổng số tiền lương còn nợ là 9.194.000 đồng (chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng công ty không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.*

#### **Tại phiên tòa:**

- Ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Đã được triệu tập họp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định

về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH S phải trả cho anh Đỗ Hoàng P tiền lương tháng 10, 11 và 12/2023 là 9.194.000 đồng;

- Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Mặc dù, giữa anh Đỗ Hoàng P và Công ty S không ký kết hợp đồng lao động nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án đối với người lao động của Công ty S đều xác nhận anh P có làm việc tại nhà máy sản xuất của Công ty S địa chỉ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh từ năm 2022 đến khi nhà máy ngưng hoạt động (tháng 12/2023). Đồng thời, căn cứ vào các Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 của Nhà máy Á do Phó Giám đốc Cao Minh H và kế toán Đinh Thị Kim T ký thì có tên của anh Đỗ Hoàng P.

Do đó, có cơ sở xác định giữa anh Đỗ Hoàng P và Công ty S có quan hệ lao động.

[2.2] Tại thời điểm nhà máy của Công ty S đóng cửa ngưng hoạt động vào tháng 12/2023, anh P và nhiều người lao động khác chưa được Công ty S thanh toán tiền lương của các tháng 10, 11 và 12/2023. Tại Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 thể hiện tiền lương mà Công ty S nợ anh P tháng 10/2023 là 5.516.000 đồng, nhưng anh P chỉ yêu cầu 4.516.000 đồng, tháng 11/2023 là 4.958.000 đồng, từ ngày 01 đến ngày 04/12/2023 là 720.000 đồng, tổng cộng là 10.194.000 đồng. Khấu trừ số tiền Công ty cho anh P tạm ứng lương tháng 10/2024

là 1.000.000 đồng, còn lại 9.194.000 đồng (chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Đối với bị đơn là Công ty TNHH S, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, Công ty S đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, có cơ sở xác định Công ty S còn nợ tiền lương chưa thanh toán cho anh P tháng 10, 11 và 12/2023 là 9.194.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P đối với Công ty S. Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho anh P tiền lương còn nợ của tháng 10, 11, 12/2023 tổng cộng là 9.194.000 đồng (chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Anh phúc không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng P đối với Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Hoàng P tiền lương tháng 10/2023 là 4.516.000 đồng, tháng 11/2023 là 4.958.000 đồng, tháng 12/2023 là 720.000 đồng tổng cộng 9.194.000 đồng (chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Ghi nhận anh Đỗ Hoàng P không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày anh Đỗ Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH S

không thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty TNHH S còn phải trả cho anh Đỗ Hoàng P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Na**